

TỔNG CÔNG TY THÉP VIỆT NAM - CTCP
CTCP THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 75 /BC-NBS

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 06 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN THÉP NHÀ BÈ - VNSTEEL
Năm 2022

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà Nước
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát

- Tên giao dịch: Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0305393838
- Vốn điều lệ: 144.900.000.000 VND
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 144.900.000.000 VND
- Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà văn phòng đại diện của Tổng Công ty Thép Việt Nam tại TP.HCM, số 56 Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
- Số điện thoại: 028.38298244 - Số fax: 028.38298245
- Địa chỉ Chi nhánh Nhơn Trạch: Lô II đường số 3 Khu Công nghiệp Nhơn Trạch II – Nhơn Phú, xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3569672 - Số Fax: 0251.3569673
- Website: NBSTEEL.VN
- Mã cổ phiếu (nếu có): TNB

Quá trình hình thành và phát triển: Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL được thành lập từ việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước Công ty Thép Nhà Bè thuộc Tổng Công ty Thép Việt Nam, với tiền thân là Công ty Thép Việt Thành (1971), Nhà máy Thép Việt Thành (1976), Nhà máy luyện cán Thép Nhà Bè (1981), Nhà máy Thép Nhà Bè (1992), Công ty Thép Nhà Bè (7/2007). Ngay sau đó Công ty đã tiến hành quá trình cổ phần hóa và được chính thức thành lập từ ngày 25/12/2007. Năm 2012 Công ty tiến hành di dời toàn bộ nhà xưởng sang KCN Nhơn Trạch II - Nhơn Phú thuộc xã Phú Hội, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Một số mốc và sự kiện quan trọng của Công ty:

- + Ngày thành lập: 25/12/2007
- + Ngày giao dịch trên sàn UPCOM: 16/04/2010
- + Ngày thành lập chi nhánh Nhơn Trạch: 01/11/2010

- + Ngày khánh thành dự án di dời từ Quận 7 sang Nhơn Trạch: 31/05/2013
- + Ngày đổi tên Công ty gần nhất: theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp cấp đổi lần thứ 5, ngày 05/4/2016, công ty đổi tên thành Công ty cổ phần Thép Nhà Bè - VNSTEEL.

2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề chính: sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thép.

Trong đó sản xuất kinh doanh thép xây dựng các loại là hoạt động chủ yếu, bao gồm:

- + Thép thanh vằn từ D10 - D40
- + Thép góc đều cạnh từ V25 đến V100
- + Thép cuộn phi 6 và phi 8

- Địa bàn kinh doanh: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất):

- + Các tỉnh miền Tây trên 50%
- + Các tỉnh miền Đông trên 30%
- + Xuất khẩu Campuchia trên 10%

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

3.1. Mô hình quản trị: Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng giám đốc.

3.2. Cơ cấu bộ máy quản lý (Đến 31/12/2022)

3.2.1. Đại hội đồng cổ đông

3.2.2. Hội đồng quản trị: 05 thành viên

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Văn Chánh	Chủ tịch HĐQT	
2	Ông Lê Việt	Ủy viên	
3	Ông Nguyễn Hữu Khánh	Ủy viên	
4	Ông Lê Xuân Anh	Ủy viên	
5	Ông Võ Trí Nghĩa	Ủy viên	

3.2.3. Ban kiểm soát: 03 thành viên

Stt	Thành viên BKS	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Nguyễn Quốc Thiệu	Trưởng ban KS	
2	Ông Bùi Văn Vĩnh	Ủy viên	
3	Bà Cù Thị Thùy Linh	Ủy Viên	

3.2.4. Ban Tổng giám đốc: 03 thành viên

Stt	Thành viên Ban TGD	Chức vụ	Ghi chú
1	Ông Lê Việt	Tổng giám đốc	
2	Ông Nguyễn Hữu Khánh	Phó Tổng giám đốc	
3	Ông Đỗ Ngọc Bằng	Phó Tổng giám đốc	

3.2.5. Các phòng chuyên môn

- Phòng Tổ chức Hành chính
- Phòng Tài chính Kế toán
- Phòng Kế hoạch Kinh doanh
- Phòng Kỹ thuật Cơ điện An toàn
- Phòng Quản lý chất lượng
- Phân xưởng Cán thép
- Phân xưởng Cơ điện
- Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty
 - + Ổn định công nghệ, thiết bị, nhằm tăng năng suất lao động phù hợp với năng lực sản xuất. Đảm bảo hoàn thành sản lượng 150.000 tấn thép cán các loại, đạt lợi nhuận 12 tỷ trước thuế;
 - + Thu nhập của người lao động bình quân trên 17 triệu đồng/ người/ tháng
- Chiến lược phát triển trung và dài hạn
 - + Từng bước phát triển thị trường nội địa, thị trường xuất khẩu;
 - + Chủ động nguồn phôi thép bằng việc ký kết các hợp đồng nguyên tắc với các nhà cung cấp lớn và ổn định;
 - + Đầu tư bổ sung công đoạn luyện thép
 - + Đào tạo, phát triển đội ngũ lao động có trình độ, kỷ luật và kỹ năng nghề nghiệp cao.
- Các mục tiêu phát triển bền vững và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty
 - + Tạo sự gắn kết chặt chẽ giữa người lao động với Công ty, có trách nhiệm với xã hội;
 - + Sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường, nhất là sản phẩm có giá trị gia tăng cao;
 - + Mở rộng thị trường xuất khẩu.

5. Các rủi ro

5.1. Rủi ro về lao động

Nền kinh tế đã hồi phục và phát triển, nhiều doanh nghiệp sản xuất thép, cơ khí, vật liệu điện, xây dựng ...được thành lập mới hoặc mở rộng sản xuất, kéo theo nhu cầu về lao động kỹ thuật tăng cao. Nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động kỹ thuật đảm bảo được yêu cầu công việc sẽ có sự cạnh tranh trong thị trường lao động, có thể phát sinh biến động về lao động, phát sinh chi phí thôi việc, chi phí tuyển dụng đào tạo mới,...

5.2. Rủi ro đặc thù

Về biến động giá nguyên liệu đầu vào và sản phẩm

Nguyên liệu sản xuất chính (phôi thép) của Công ty phải mua hoàn toàn từ thị trường, với tỉ trọng trên 90% giá thành sản phẩm, nên sự biến động về giá nguyên liệu sẽ ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận gộp của Công ty. Đặc biệt, nếu giá bán sản phẩm biến động ngược chiều giá nguyên liệu thì sẽ dẫn đến tình trạng lợi nhuận âm. Để khắc phục rủi ro này, Công ty đã có giải pháp đấu thầu cạnh tranh cung cấp phôi, tùy theo tình hình thị trường để cân đối kịp thời điều chỉnh về số lượng, giá, thời hạn giao nhận, chủng loại,... đối với nguyên liệu và sản phẩm, phù hợp với kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Về sự cạnh tranh cùng ngành

Hiện trên thị trường Việt nam có rất nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thép xây dựng, trong đó có những tên tuổi lớn. Thép Nhà Bè có thể mạnh là doanh nghiệp có bề dày phát triển trên 45 năm, nằm trong hệ thống thép xây dựng thương hiệu chữ /V/ truyền thống được thị trường và người tiêu dùng tin nhiệm, trong đó dòng sản phẩm thép góc đều cạnh được người tiêu dùng tin cậy. Để tăng lợi thế cạnh tranh của mình, Công ty không ngừng cải tiến công nghệ, đầu tư thiết bị, nâng cao chất lượng, bảo vệ môi trường, thực hiện theo tinh thần luôn là bạn là đối tác tin cậy của nhà phân phối và người tiêu dùng.

5.3. Rủi ro về tài chính

Về tỷ giá

Nguyên nhiên liệu của Công ty mua chủ yếu tại thị trường trong nước, sản phẩm bán ra gần 90% cho thị trường trong nước, nên sự biến động về tỷ giá ngoại tệ với VNĐ ít gây ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty. Tuy nhiên, trong những năm tiếp theo nếu tăng cường xuất khẩu thành phẩm và nhập khẩu nguyên liệu thì có thể xảy ra rủi ro này.

Về lãi suất

Công ty sử dụng vốn vay hoàn toàn để đáp ứng vốn lưu động cho nhu cầu sản xuất kinh doanh. Lãi suất các Ngân hàng thương m luôn phụ thuộc rất nhiều vào chính sách lãi suất của Nhà nước nên rủi ro này vẫn luôn tiềm ẩn, đòi hỏi việc quản trị rủi ro phải luôn là một trong những chính sách tài chính quan trọng của Công ty.

5.4. Rủi ro về môi trường.

Về cháy nổ

Để giảm thiểu ô nhiễm không khí, Công ty hiện đang sử dụng hệ thống lò nung phôi cán bằng nguồn nhiên liệu khí gas thấp áp sử dụng qua hệ thống cung cấp trực tiếp của Công ty Gas Nhơn Trạch. Hiệu quả mang lại là rất lớn, tuy nhiên nguy cơ cháy nổ do khí gas cũng rất dễ xảy ra. Công ty đã áp dụng nhiều giải pháp an toàn như tăng cường huấn luyện công nhân vận hành, kiểm tra giám sát an toàn thường xuyên, phối hợp chặt chẽ với trung tâm cung cấp,... Cho đến nay chưa xảy ra trường hợp mất an toàn nào.

Về nguồn nước

Nguồn nước Công ty đang sử dụng cho sản xuất là rất lớn (50.000 m³/năm) được cung cấp từ CTCP cấp nước Nhơn Trạch. Với số lượng hàng ngàn doanh nghiệp tại Khu công nghiệp Nhơn Trạch, nguy cơ thiếu nước, chất lượng nước kém,... có thể xảy ra, ảnh hưởng tới lượng nước cho sản xuất.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng số liệu kết quả và hiệu quả SXKD năm 2022

TT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022		
			Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ TH/KH (%)
1	Sản lượng sản xuất (tấn)	132.532	150.000	115.249	76,83%
2	Sản lượng tiêu thụ (tấn)	124.987	150.000	119.432	79,62%
3	Doanh thu thuần (Tr.đồng)	1.978.066	2.520.000	1.992.463	79,07%
4	Lợi nhuận trước thuế (Tr.đồng)	12.272	12.000	(8.385)	-69,88%
5	Lợi nhuận sau thuế (Tr.đồng)	9.786	9.600	(8.385)	-87,34%
6	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn CSH (ROE)	5,01	4,75%	-4,70%	-98,95%
7	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	1,61	2,23%	-2,29%	-102,69%
8	Lãi cơ bản/cổ phiếu	853	835	(681)	-81,56%
9	Thu nhập bình quân NLĐ (Tr.đồng/người/tháng)	15,03	17,19	14,985	87,17%

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm

Sản xuất đạt 115.249 tấn, bằng 76,83% so với kế hoạch và bằng 86,96% so cùng kỳ.

Tiêu thụ đạt 119.432 tấn, bằng 79,62% so kế hoạch và bằng 95,56% so cùng kỳ.

+ Doanh thu: 1.992,463 tỷ đồng, bằng 79,07% kế hoạch năm.

+ Lợi nhuận trước thuế: (8,385)tỷ đồng

Năm 2022, xung đột địa chính trị Nga-Ucraina, chính sách zero covid của Trung quốc, thị trường quốc tế đứt gãy chuỗi cung ứng, xuất khẩu sụt giảm, giá nguyên nhiên vật liệu tăng.

- Trong nước ảnh hưởng bởi giải ngân đầu tư công chậm, chính sách siết chặt bất động sản, các ngân hàng đồng loạt tăng lãi suất cho vay và siết tín dụng, chi phí lãi vay tăng.

- Thị trường thép biến động mạnh, bất thường. Từ tháng 5, hầu hết các mặt hàng thép liên tục giảm, thị trường trầm lắng, tiêu thụ chậm, cung cầu tiếp tục mất cân bằng, áp lực dư thừa lớn, cạnh tranh ngày càng khốc liệt gây khó khăn cho các doanh nghiệp ngành thép. Sự cạnh tranh gay gắt về giá giữa các thương hiệu trong đó có các nhà sản xuất qui mô lớn hướng vào thị trường nội địa. Tất cả các yếu tố trên làm tổng nhu cầu sử dụng thép trên thị trường giảm, ảnh hưởng đến sản lượng tiêu thụ của công ty, tổng sản lượng tiêu thụ chỉ đạt 119.432 tấn, bằng 79,62% so kế hoạch và bằng 95,56% so cùng kỳ.

2. Tổ chức và nhân sự

- Danh sách Ban điều hành

TT	Họ và tên	Trích ngang	Chức danh	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
				Đại diện sở hữu	Sở hữu
1	Lê Việt	Kỹ sư cơ khí	Tổng giám đốc	3.503.000	12.726
2	Đỗ Ngọc Bằng	Cử nhân tài chính kế toán	Phó Tổng giám đốc		
3	Nguyễn Hữu Khánh	Kỹ sư cán thép	Phó Tổng giám đốc	1.501.002	
4	Nguyễn Quốc Anh Dũng	Cử nhân Tài chính kế toán	Kế toán trưởng		

- Những thay đổi trong ban điều hành: không

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động

+ Tổng số lao động: 168

+ Công ty thực hiện nghiêm túc các chính sách đối với người lao động theo Bộ luật lao động, Luật Bảo hiểm xã hội, các quy định pháp luật khác và Thỏa ước lao động tập thể.

+ Chính sách trả lương cho người lao động theo vị trí, khối lượng và chất lượng công việc và kỷ luật lao động, trong năm qua mặc dù rất khó khăn, nhưng công ty vẫn đảm bảo thu nhập của người lao động và có những chính sách hỗ trợ khó khăn kịp thời cho lao động có hoàn cảnh khó khăn.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn:

- Đầu tư tài chính: Không

- Đầu tư mua sắm nâng cấp TSCĐ:

+ Hoàn thành đưa vào sử dụng hạng mục chuyển tiếp năm 2021-Máy cắt phôi vào tháng 7/2022.

+ Theo kế hoạch đã được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 26 tháng 3 năm 2022, có 01 hạng mục – Cụm đóng bó thép góc, giá trị 6.500 triệu đồng, nguồn vốn chủ sở hữu. Trong năm đã triển khai thực hiện với khối lượng ước đạt 30% trong đó gói thầu mua sắm thiết bị chính với giá trị 5.800 triệu đồng đã ký hợp đồng. Hạng mục được tiếp tục triển khai thực hiện trong năm 2023 (chuyển tiếp).

- Đầu tư phát triển: Công ty có 01 dự án đầu tư nhóm B (dự án mới) – Bổ sung công đoạn luyện phôi thép 150.000 tấn/năm, tổng mức đầu tư dự kiến 350.000, sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu + vay thương mại. Hiện dự án đang được triển khai các công tác chuẩn bị đầu tư và trình phê duyệt báo cáo nghiên cứu khả thi (FS)b) Các công ty con, công ty liên kết: Không

4. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ Indicators	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng			
Tổng giá trị tài sản/Total asset	608.067	365.394	-39,91%
Doanh thu thuần/Net revenue	1.978.066	1.992.463	0,73%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from business activities	9.867	-8.121	-182,30%
Lợi nhuận khác/Other profits	2.404	-264	-110,98%
Lợi nhuận trước thuế/Profit before tax	12.272	-8.385	-168,33%
Lợi nhuận sau thuế/Profit after tax	9.786,00	-8.385	-185,68%
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng			
Tổng giá trị tài sản/Total asset value			
Doanh thu/Revenus			
Thuế và các khoản phải nộp/Taxes and payables			
Lợi nhuận trước thuế/Before tax profit			
Lợi nhuận sau thuế/After tax profit			

- Các chỉ tiêu khác: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất)

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Ghi chú
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/Current ratio:			
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (Short term Asset/Short term debt)	1,17	1,36	
+ Hệ số thanh toán nhanh/Quick ratio:			
Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <u>Short term Asset - Inventories</u> <u>Short term Debt</u>	0,29	0,54	
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/capital structure Ratio			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)			

+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (Debt/Owner's Equity ratio)	67,9%	51,17%	
	2,12	1,05	
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio			
+ Vòng quay hàng tồn kho/ Inventory turnover:	8,66	8,25	
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory)			
+ Vòng quay tổng tài sản/Total asset turnover:	3,25	4,09	
Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (Net revenue/ Average Total Assets)			
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Profitability			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (profit after tax/ Net revenue Ratio)	0,49	-0,4	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (profit after tax/ total capital Ratio)	4,8	-4,7	
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (profit after tax/ Total assets Ratio)	1,89	-2,29	
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (Profit from business activities/ Net revenue Ratio)	0,43	-0,4	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần

- Vốn điều lệ: 144.900.000.000 đồng
- Tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành: 14.490.000 cổ phần
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 14.489.877 cổ phần
- Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật: 123 cổ phần (cổ phiếu quỹ)

b) Cơ cấu cổ đông

Tổng số cổ đông: 359 trong đó

- Cổ đông lớn (chiếm từ 10% vốn điều lệ trở lên): 03 cổ đông

- Cổ đông là tổ chức: 03 cổ đông
- Cổ đông nước ngoài: 14 cổ đông
- Cổ đông trong nước: 342 cổ đông

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Năm 2010, trả cổ tức bằng cổ phiếu 15% cho cổ đông hiện hữu, giá trị 15.000.000.000 đồng, vốn Điều lệ tăng từ 100.000.000.000 đồng lên 115.000.000.000 đồng;

- Năm 2022, trả cổ tức bằng cổ phiếu 26% cho cổ đông hiện hữu, giá trị 29.900.000.000 đồng, vốn Điều lệ tăng từ 115.000.000.000 đồng lên 144.900.000.000 đồng.

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ

- Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 123 cổ phần

- Giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm: bán 21.009 cổ phiếu quỹ. Số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại: 123 cổ phần (do mua lại cổ phiếu lẻ trong đợt phát hành cổ phiếu để trả cổ tức)

e) Các chứng khoán khác: không

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Tác động lên môi trường

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp: 15.839 tấn CO₂

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính: chú trọng công tác đầu tư đổi mới thiết bị, công nghệ sản xuất, phòng ngừa ô nhiễm, giảm thiểu chất thải, hạn chế phát sinh gây tác động tiêu cực, tiết kiệm năng lượng, hạn chế phát sinh các chất thải (rắn, khí, bụi và nước thải).

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: 118.763 tấn thép thỏi

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.3. Tiêu thụ năng lượng

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:

- Tổng năng lượng tiêu thụ kế hoạch: 249.875.500 MJ

- Tổng năng lượng tiêu thụ: 183.939.843 MJ

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả:

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng

- Nguồn cung: Công ty cổ phần cấp nước Nhơn Trạch

- Số lượng sử dụng: 32.871 m³

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: 26.297 m³ chiếm tỉ lệ 80 %

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường:
Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động

a) Số lượng lao động bình quân: 164 lao động, mức lương bình quân đối với người lao động: 14,98 triệu đồng/ người/ tháng

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động

- Tổ chức nhà ăn tập thể: có

- Có trạm y tế, tổ chức khám sức khỏe định kỳ, cấp phát thuốc điều trị thông thường hàng ngày và tổ chức khám bệnh nghề nghiệp hàng năm.

- Bồi dưỡng độc hại cho công nhân trực tiếp sản xuất bằng hiện vật (sữa tươi).

- Có Thỏa ước lao động tập thể với những nội dung có lợi hơn cho NLD (sinh nhật, lễ Tết, hiếu hỉ, phúng điếu đám tang, hỗ trợ học tập, trợ cấp khó khăn, thanh toán tiền tàu xe đi phép...)

c) Hoạt động đào tạo người lao động/

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm:

+ Cán bộ quản lý: 30 giờ

+ Nhân viên nghiệp vụ: 15 giờ

+ Công nhân kỹ thuật: 20 giờ

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp

+ Huấn luyện kỹ thuật an toàn – Bảo hộ lao động;

+ Sơ cấp cứu;

+ Tập huấn về công tác phòng chống dịch bệnh;

+ Đào tạo chuyên đề cho cán bộ quản lý và đào tạo nghề cho công nhân.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Tham gia chương trình xã hội từ thiện của Công ty Mẹ-Tổng công ty Thép Việt Nam-CTCP

- Phụng dưỡng Mẹ VNAH và thương binh nặng

- Tham gia ủng hộ các chương trình của huyện Nhơn Trạch và tỉnh Đồng Nai, ...

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:
Chưa có



III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Thị trường ngày càng cạnh tranh gay gắt bởi các đối thủ tăng cường đầu tư mở rộng quy mô, hạ giá để chiếm thị phần, trong khi lợi thế cạnh tranh của Công ty so với đối thủ còn hạn chế, chính sách giá còn thiếu linh hoạt, dự báo thị trường còn hạn chế. Giá phôi biến động khó lường, khoảng chênh lệch giữa giá phôi và giá bán thành phẩm thấp.

- Đời sống thu nhập của NLĐ được duy trì, nội bộ đoàn kết, dân chủ cơ sở được phát huy. Các nghĩa vụ với Nhà nước, với xã hội được thực hiện đầy đủ.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được: Công đoạn cán cuộn tiếp tục được hoàn thiện, đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật và đáp ứng được yêu cầu của khách hàng; Thực hiện có hiệu quả các phương án quản trị trong Công ty; Giảm các chỉ tiêu tiêu hao kinh tế kỹ thuật trong SXKD.

2. Tình hình tài chính

a) Tình hình tài sản

- Sử dụng có hiệu quả tài sản của Công ty;

- Không phát sinh nợ xấu, nợ khó đòi

b) Tình hình nợ phải trả

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ: Nợ phải trả đều trong phạm vi kiểm soát.

- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hồi đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay: Biến động về tỉ giá và chênh lệch lãi vay trong năm 2022 ảnh hưởng không đáng kể đến SXKD của Công ty.

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Ứng dụng dụng phần mềm vào công tác quản lý.

- Hoạt động phân tích tài chính và định mức chi phí hàng tháng được duy trì giúp kiểm soát chi phí và tăng cường hơn nữa công tác tiết kiệm, chống lãng phí, tạo ý thức cho người lao động, đặc biệt là kiểm soát chỉ tiêu tiêu hao phôi.

Những nội dung công việc này nhằm từng bước thay đổi, nâng cao năng lực và hiệu quả hoạt động, tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý đã góp phần quan trọng trong công tác quản lý, giảm chi phí sản xuất, giảm giá thành sản phẩm, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm Công ty.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm nội địa, tăng cường xuất khẩu trong khu vực;

- Tiếp tục đầu tư cải tiến công nghệ cán thép, giảm giá thành.

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán: Nhất trí với số liệu của kiểm toán độc lập

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải)

Các chỉ tiêu môi trường đều được kiểm soát trong mức quy định, chỉ tiêu sử dụng điện nước thấp hơn năm 2021.

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động

- Có sự quan tâm chu đáo đầy đủ đến NLĐ, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định.
- Thường xuyên bổ sung những chính sách liên quan đến NLĐ như Thỏa ước LĐTT, quy chế trả lương, các chế độ phúc lợi (hỗ trợ lao động khó khăn, bồi dưỡng độc hại,...)

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương

- Ủng hộ tích cực các hoạt động từ thiện xã hội tại địa phương nơi đăng ký kinh doanh và nơi sản xuất;
- Tham gia đầy đủ các hoạt động phong trào do địa phương phát động.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty (đối với công ty cổ phần)

1. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội*

- Chấp hành và tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy chế quản lý của công ty.

- Thị trường trong nước vẫn mang yếu tố cung vượt xa cầu, các thương hiệu cạnh tranh gay gắt để giữ thị phần trong cả lĩnh vực công trình và dân dụng. Thị trường bất động sản giảm sút, các hạng mục đầu tư công chậm triển khai làm giảm nhu cầu thép xây dựng. Với sự nỗ lực và tinh thần trách nhiệm cao của tập thể CBCNV, công ty đã vượt qua những khó khăn, duy trì SXKD đảm bảo cung ứng sản phẩm ra thị trường, từng bước củng cố thương hiệu sản phẩm thép thương hiệu chữ V/.

- Duy trì tốt môi trường làm việc cho NLĐ, đảm bảo kiểm soát các chỉ tiêu môi trường trong phạm vi cho phép, tích cực xây dựng, cải tạo thiết bị công nghệ để giảm thiểu đến mức thấp nhất ô nhiễm, phát động phong trào Xanh – Sạch – Đẹp trong toàn Công ty.

- Tích cực và có trách nhiệm trong các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện của địa phương. Chăm lo thường xuyên đến đời sống vật chất tinh thần của người lao động.

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

Trên nguyên tắc luôn coi trọng lợi ích của công ty, lợi ích các cổ đông, nghĩa vụ với nhà nước, lợi ích của người lao động, mặc dù còn những hạn chế về chiến lược kinh doanh-tiếp thị, chiến lược đầu tư,... do điều kiện đặc thù của Công ty, các thành viên Ban điều hành đã có nhiều nỗ lực để lãnh đạo công ty vượt qua khó khăn.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị*

- Thực hiện chương trình hoàn thiện, đồng bộ các công đoạn, thiết bị trên dây chuyền sản xuất, tổ chức sản xuất ổn định đạt sản lượng và chất lượng cũng như năng suất và công suất thiết bị.
- Từng bước mở rộng thị trường nội địa, củng cố thị trường xuất khẩu khu vực
- Thường xuyên đào tạo, phát triển đội ngũ lao động đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

TT	Họ và tên	Trích ngang	Chức danh	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
				Đại diện sở hữu	Sở hữu
1	Nguyễn Văn Chánh	Cử nhân Kinh tế đối ngoại	Chủ tịch Hội đồng quản trị	3.603.000	
2	Lê Việt	Kỹ sư cơ khí	UV HĐQT Tổng giám đốc	3.503.000	12.726
3	Nguyễn Hữu Khánh	Kỹ sư cơ học biến dạng và cán kim loại	Ủy viên Hội đồng quản trị	1.501.002	
4	Lê Xuân Anh	Kỹ sư cơ khí	UV HĐQT Phó Tổng giám đốc	1.401.000	
5	Võ Trí Nghĩa		Ủy viên Hội đồng quản trị	1.449.000	

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Công ty không thành lập tiểu ban mà giao cho từng thành viên HĐQT phụ trách từng nội dung liên quan.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị: Số lần họp trong năm: 4 lần; Số lần lấy ý kiến bằng văn bản: 0 lần

Hội đồng quản trị họp định kỳ đánh giá các hoạt động quý trước và kế hoạch cho quý sau. Nội dung và kết quả của các cuộc họp được thống nhất cao.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập

Ông Võ Trí Nghĩa, đại diện sở hữu 1,449 triệu cổ phần, là thành viên độc lập, cùng tham gia việc xây dựng kế hoạch trung và dài hạn của công ty, phối hợp hoạt động giữa Công ty cổ phần Thép Nhà Bè-VNSTEEL và Công ty cổ phần kim khí TPHCM để phát huy lợi thế trong SX-KD thép xây dựng.

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: không

2. Ban Kiểm soát

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát

TT	Họ và tên	Trích ngang	Chức danh	Số cổ phần có quyền biểu quyết	
				Đại diện sở hữu	Sở hữu
1	Nguyễn Quốc Thiệu	Cử nhân Tài chính kế toán	Trưởng ban kiểm soát		
2	Bùi Văn Vĩnh	Cử nhân quản trị kinh doanh	Thành viên Ban kiểm soát		
3	Cù Thị Thùy Linh	Cử nhân Quản trị kinh doanh	Thành viên Ban kiểm soát		

b) Hoạt động của Ban kiểm soát: Họp mỗi quý 1 lần

Trong năm 2022, Ban kiểm soát đã bám sát chương trình hoạt động để triển khai công tác, cụ thể:

- Giám sát, đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị liên quan đến việc thực hiện Kế hoạch năm 2022 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

- Thực hiện việc giám sát, đánh giá tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm phát hiện những rủi ro để đề xuất những kiến nghị và giải pháp thích hợp cho ban điều hành.

- Xem xét đánh giá tình hình thực hiện công tác mua sắm, đầu tư, sửa chữa lớn.

- Kiểm tra soát xét báo cáo tài chính quý, nhằm đánh giá tính hợp pháp, hợp lý, tính trung thực của số liệu tài chính.

- Kiểm tra tình hình tồn kho, công nợ, chi phí trích trước.

- Đánh giá việc hoàn thành các chỉ tiêu quan trọng đã được Đại hội đồng cổ đông năm 2022 thông qua.

- Tham gia các cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Hợp thảo luận các nội dung báo cáo của Ban kiểm soát.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Stt	Chức vụ	Tháng	Mức lương kế hoạch	Mức lương thực hiện	Tổng tiền lương
	Tiền lương của Người quản lý là ĐDV				1.339.200.000
1	Chủ tịch HĐQT	12	46.500.000	41.850.000	502.200.000
2	Tổng giám đốc	12	43.000.000	38.700.000	464.400.000
3	Ủy viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc	12	34.500.000	31.050.000	372.600.000
	Tiền lương của Người quản lý không là ĐDV				1.022.760.000
4	Phó Tổng giám đốc	12	32.700.000	29.430.000	353.160.000
5	Trưởng ban kiểm soát	12	31.000.000	27.900.000	334.800.000
6	Kế toán trưởng	12	31.000.000	27.900.000	334.800.000
	Quỹ thù lao của người quản lý không chuyên trách				168.000.000
7	Ủy viên HĐQT	12	4.000.000	4.000.000	48.000.000
8	Ủy viên HĐQT	12	4.000.000	4.000.000	48.000.000
9	Ủy viên BKS	12	3.000.000	3.000.000	36.000.000
10	Ủy viên BKS	12	3.000.000	3.000.000	36.000.000

Tổng quỹ tiền lương, thù lao thực hiện năm 2022: 2.361.960.000 đồng

- b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ: Không có
- c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ: Không có
- d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các quy định về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán: chấp thuận toàn bộ
2. Báo cáo tài chính năm 2022: đã được công bố thông tin ngày: 23/02/2022, được đăng tải toàn văn tại địa chỉ website: nbsteel.vn/quan hệ cổ đông.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- UBCK Nhà nước;
- Sở GDCK Hà Nội;
- Lưu: VT, TCHC

ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Lê Việt
Tổng giám đốc

